

NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐẶT RA TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH Ở HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG (1986-2006)

NGUYỄN THU VÂN

TÓM TẮT

Sự vận dụng chính sách đổi mới từ Trung ương để áp dụng những chương trình riêng cho địa phương cũng như sự ra đời những chính sách cụ thể của tỉnh và huyện trong giai đoạn 1986-2006 là sự tiếp nối của chính sách đổi mới cho toàn đất nước vào năm 1986 của Việt Nam. Riêng huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang đến đầu những năm 1990, Trung ương và chính quyền địa phương mới áp dụng những chính sách đổi mới cụ thể cho huyện Tịnh Biên. Bài viết đề cập đến những thành tựu cùng những hạn chế về mặt xã hội của huyện Tịnh Biên và phản ứng của người dân đối với những chính sách được thực hiện ở đây trong giai đoạn 1986-2006.

Tịnh Biên là một huyện miền núi, biên giới, dân tộc; nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc, giáp với biên giới Campuchia. Là nơi cộng cư sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, với nhiều tôn giáo: Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành, Công giáo... Trong đó dân tộc Khmer là thành phần dân tộc có dân số đứng hàng thứ hai ở Tịnh Biên, sống tập trung đông nhất tại các xã Văn Giáo, An

Cư, Vĩnh Trung, An Hảo (xem Bảng 1). Tịnh Biên với nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, làm đường thốt nốt, dệt khăn choàng, chăn nuôi bò, heo, làm thuê... Nơi đây là một trong những vùng đất chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh biên giới Tây Nam 1978-1979.

Chính vì lẽ đó, huyện Tịnh Biên là một trong những huyện được Nhà nước và tỉnh An Giang ưu tiên đầu tư xây dựng với nhiều chương trình, chính sách được thực thi nhằm tạo điều kiện đưa vùng đất này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, chậm phát triển. Các chương trình được thực hiện ở đây bao gồm: *Chương trình 135*⁽¹⁾; *Chương trình 134* (hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn); Chính sách cấp bách về ruộng đất; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường; Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo; Chính sách trồng và bảo vệ rừng phòng hộ trên núi; Chương trình quốc gia về tạo mới và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Chính sách hỗ trợ (phát triển sản xuất, giao đất, giao rừng, trợ giá, khuyến nông, khuyến lâm...); Chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới, hỗ trợ cho dân vùng lũ vay tiền để tôn nền nhà và làm sàn nhà trên cọc; Chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố

Nguyễn Thu Vân. Thạc sĩ. Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

trí dân cư; Chính sách đào tạo sử dụng cán bộ; Chính sách phát triển giáo dục.

1. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ MẶT XÃ HỘI TỪ KHI ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI

Việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở Tịnh Biên đã phần nào mang lại những kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh-quốc phòng. Đời sống của người dân nơi đây, đặc biệt là đời sống người Khmer ở các phum, sóc đã có nhiều thay đổi. Các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống người dân như hệ thống đường sá, mạng lưới điện, hệ thống trường học, trạm y tế, các dịch vụ cơ bản... ngày càng phát triển, giúp cho chất lượng đời sống của người dân ở đây ngày càng cải thiện...

Trong số các xã được áp dụng nhiều chương trình, chính sách của thời kỳ *Đổi mới*, An Cư và Tân Lợi là hai xã phát triển tốt nhất. Nhờ vào những chính sách *Đổi mới*, cư dân ở đây phần nào vượt qua được nhiều khó khăn trong cuộc sống. Về mặt xã hội, huyện đã có nhiều thay đổi, điển hình như những gia đình nghèo không có nhà để ở, được hưởng chính sách hỗ trợ nhà, hỗ trợ công ăn việc làm... Người dân Tịnh Biên rất hài lòng với các công trình lớn của Nhà nước. Họ đồng tình ủng hộ việc làm tuyến lộ N1. Con đường này ngày xưa là đường đất chưa được trải nhựa, đi lại rất khó khăn... Để đẩy mạnh việc phát triển khu biên giới, huyện đã giao hảo tốt với chính quyền địa phương ở Campuchia. Mỗi tháng có một cuộc họp giữa

chính quyền địa phương hai nước. Nơi họp luân phiên nhau giữa Tịnh Biên và Tà Keo. Việc trao đổi thường xuyên này vừa giúp đảm bảo cho người dân hai nước qua lại buôn bán thuận tiện, vừa giữ được mối giao hảo tốt đẹp với xã bạn.

Trong các xã ở huyện Tịnh Biên thì xã An Cư có khoảng 95% hộ dân sống bằng nông nghiệp. Trong những năm đầu của thập niên 1990, đời sống của nhân dân rất cực khổ, cơ sở hạ tầng kém, sản xuất, nông nghiệp rất khó khăn vì một năm chỉ làm được một vụ lúa. Nhưng từ những năm 2000, nhờ sự đầu tư của các cấp chính quyền tỉnh An Giang và huyện Tịnh Biên, và đặc biệt nhờ làm công trình thủy

Bảng 1. Dân số trung bình theo dân tộc, Tịnh Biên năm 2005

Đơn vị tính: người

Địa bàn	Tổng số người	Theo dân tộc		
		Kinh	Khmer	Hoa
Toàn huyện	120.850	86.314	33.934	602
Trung tâm Nhà Bàng	14.006	13.520	204	282
Trung tâm Chi Lăng	7.856	6.903	894	59
Trung tâm Tịnh Biên	13.838	12.589	1.201	48
Xã Núi Voi	5.147	4.817	310	20
Xã Nhơn Hưng	6.006	5.824	182	-
Xã An Phú	7.819	7.051	760	8
Xã Thới Sơn	7.022	6.945	57	20
Xã Văn Giáo	8.230	2.237	5.993	-
Xã An Cư	9.982	2.579	7.391	12
Xã An Nông	4.315	3.847	377	91
Xã Vĩnh Trung	10.164	4.041	6.113	10
Xã Tân Lợi	8.773	4.408	4.327	38
Xã An Hào	12.000	5.875	6.125	-
Xã Tân Lập	5.692	5.678	-	14

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tịnh Biên năm 2005.

lợi 3 tháng 2, phục vụ được trên 500 ha ruộng cho nông dân làm lúa 3 vụ. Cho đến những năm đầu của thập niên 1990 ở An Cư chưa có hệ thống đường sá, để đi đến trung tâm xã An Cư từ huyện hay từ các xã khác, thời gian phải mất hơn một ngày. Nhờ chương trình 134, các đường từ lộ nông thôn, liên ấp, liên xã, liên huyện đã được xây dựng. Tuyến đường liên huyện từ Tịnh Biên sang Tri Tôn đều đã được trải nhựa. Có thể nói, nhờ vào những chính sách được áp dụng cho Tịnh Biên trong thời kỳ Đổi mới, về mặt xã hội, cơ sở hạ tầng như trường học, trạm y tế, hệ thống nước sạch đều được trang bị tốt⁽²⁾.

Đời sống của người dân Tịnh Biên đã thay đổi rất nhiều nhờ các chính sách được áp dụng ở đây. Chính sách di dân vùng lũ là một trong những chính sách đem lại hiệu quả cao. Nếu trước đây bà con sống trong vùng lũ nên việc đi lại gặp khó khăn, cuộc sống bấp bênh vất vả... thì bây giờ người dân được chuyển lên tuyến dân cư, cuộc sống ổn định, không còn phải lo chạy lũ hàng năm. Các khu dân cư tập trung do Nhà nước đầu tư xây dựng. Theo báo cáo số 25/BC-HU năm 2006, huyện Tịnh Biên đã xây dựng xong 8 tuyến dân cư vượt lũ ở 5 xã, thị trấn gồm: Thị trấn Tịnh Biên 2 tuyến, xã Nhơn Hưng 1 tuyến, Núi Voi 1 tuyến, Tân Lợi 3 tuyến, Tân Lập 01 tuyến. Với tổng số 1.480 nền nhà, gồm 875 nền giá cơ bản chiếm 59,12% và 605 nền giá linh hoạt. Các hộ được xét bán nền nhà giá cơ bản được ký khế ước nợ tiền mua nền với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, trả chậm trong 10 năm không lãi suất (từ năm thứ 6 trở đi mới thực hiện trả mỗi năm 20%)⁽³⁾. Mỗi nền nhà có diện tích 4x15m², nhưng khung nhà chỉ có

4x8m². Được vay trả chậm mỗi hộ 9 triệu đồng để cất nhà. Chương trình vượt lũ ở xã Tân Lợi được Ngân hàng Đức tài trợ với tên gọi chương trình KFW đã tài trợ 300 căn nhà, mỗi căn trị giá 7 triệu đồng. Cả xã Tân Lợi có 3 ấp Tân Hiệp, Tân Long và Tân Hòa nằm trong chương trình KFW này. Riêng ấp Tân Long có 314 hộ nghèo và 160 hộ dân tộc được hưởng chính sách này⁽⁴⁾. Chính sách cho vay vốn của ngân hàng huyện đã hỗ trợ tạo cuộc sống ổn định cho người dân. Nhà cửa của người dân trước đây xây cất đơn sơ, che ở tạm bợ thì hiện nay phần lớn nhà cửa được xây cất tương đối kiên cố hơn. Chính quyền địa phương quan tâm đến đời sống của người dân hơn bằng cách thành lập các Hội Nông dân để những Hội này thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt với người dân, hướng dẫn cho họ cách thức làm ruộng tăng năng suất⁽⁵⁾. Hiện nay huyện đang có khu công nghiệp Xuân Tô. Khu kinh tế cửa khẩu biên giới 38ha ở bờ Bắc kênh Vĩnh Tế, đã và đang thi công công trình tuyến Quốc lộ N1 đoạn từ Tịnh Biên đi Hà Tiên. Đây là những thành tựu có được từ những chính sách thực hiện ở đây.

Ở Tịnh Biên có 6 xã được hưởng Chương trình 135, trong đó có 4 xã biên giới: Nhơn Hưng, An Phú, An Nông, Xuân Tô và 2 xã nội địa được ưu tiên là Tân Lợi, An Cư vì phần lớn cư dân ở đây là người Khmer⁽⁶⁾. Chương trình 135 nhìn chung đã đem lại những lợi ích nhất định cho người dân. Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng tốt hơn, những xã thuộc Chương trình 135 được khám chữa bệnh miễn phí, và được cấp thuốc điều trị miễn phí là 300.000 đồng/tháng. Về giáo dục, học sinh là người

Khmer được hưởng trợ cấp hàng tháng là 120.000 đồng/học sinh và được mượn đủ 100% sách giáo khoa. Về y tế, Chương trình 135 đầu tư 500 triệu đồng đã chuyển Trạm Y tế Xuân Tô thành phòng khám khu vực phụ trách 3 tuyến Xuân Tô, An Nông và An Cư. Và cũng trong Chương trình 135, thì ngoài đầu tư về y tế, huyện cũng đã đầu tư làm đường lộ Xuân Tô 1 dài gần 1km với kinh phí 900 triệu đồng và hiện nay đường lộ đã được rải nhựa. Chương trình hỗ trợ người dân tộc như được miễn về khám chữa bệnh, miễn tiền đóng học phí cho học sinh con em là người dân tộc. Các chương trình từ Trung ương, tỉnh đưa xuống huyện Tịnh Biên đều được đưa ra lấy ý kiến của nhân dân trước khi thực hiện, như Chương trình 135 còn được gọi là chương trình “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” khi đã có sự đồng thuận của người dân thì các chính sách mới thực hiện. Từ khi có chính sách chủ trương của Nhà nước cho mở rộng giao thương buôn bán giữa hai nước Việt Nam và Campuchia đã giúp cho đời sống của các hộ dân buôn bán khá lên. Nhưng đồng thời buôn lậu qua biên giới cũng phát triển theo. Việc buôn lậu biên giới thường xảy ra vào mùa mưa, mùa nước nổi, vì khi đó nước ngập mênh mông, là điều kiện để ghe xuồng dễ dàng chở hàng. Việc buôn lậu giúp thu nhập tương đối khá, do đó có một số gia đình chuyển sang nghề vác mướn còn gọi là dân cừu vạn. Tuy vậy nhờ vào các chính sách chủ trương hỗ trợ người dân trong việc làm ăn sinh sống, số lượng cừu vạn cũng đã giảm đi đáng kể. Đến nay người làm nghề vác mướn vẫn còn, nhưng đã hạn chế, tỷ lệ từ 30 người giảm xuống còn 13 người. Nhìn chung, cuộc sống của

người dân ở đây khá lên nhờ vào những chính sách thông thoáng đối với vùng biên giới.

Chính sách về vùng biên giới đã tạo điều kiện cho kinh tế huyện Tịnh Biên phát triển, là nguồn thu đáng kể từ thuế doanh thu mua bán, cộng với thuế của các nhà đầu tư ở đây và nhà đầu tư qua lại biên giới với Campuchia. Nhờ vào các hoạt động thương mại này, ngân sách của huyện ổn định hơn trước và đời sống của người dân cũng khá lên. Vì thế một trong những khâu được xem là đột phá của huyện Tịnh Biên là *thương mại biên giới*. Bên cạnh đó không thể phủ nhận vai trò của nông nghiệp, mặc dù hoạt động nông nghiệp ở đây chỉ đủ nuôi sống người dân, không thể phát triển được, nhưng cũng chính nhờ nông nghiệp mà vùng này phát triển ổn định, làm cơ sở để phát triển mũi nhọn mới là thương mại dịch vụ⁽⁷⁾.

Một số chính sách khác của huyện Tịnh Biên và của tỉnh An Giang cũng đã phần nào đem lại những hiệu quả nhất định cho người dân như chính sách giao đất, giao rừng: hỗ trợ giống không thu tiền, công trồng từ 300-500 ngàn đồng/ha, hỗ trợ công bảo vệ sau thời gian chăm sóc là 500 ngàn đồng/ha. Đến khi khai thác hoặc tĩa thừa, hộ dân được hưởng toàn bộ sản phẩm thu hoạch. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết 51 tạo mọi điều kiện cho người dân sinh sống trong mùa lũ. Những gia đình nghèo, chính quyền cho vay tiền mua xuồng, cần câu, lưới để tự đi đánh bắt sinh sống... tránh tình trạng một số bộ phận người dân chỉ trông chờ, ỷ lại vào việc trợ cấp tiền trong các năm ngập lũ.

Hầu như các chương trình áp dụng ở Tịnh Biên đều được người dân đồng tình, ủng hộ. Để thực hiện tốt các chính sách, hàng tháng huyện cử cán bộ đi vận động người dân, trực tiếp xuống tận các xã để thông báo tình hình kinh tế, xã hội trong huyện cho người dân hiểu rõ, đồng thời lắng nghe ý kiến người dân phản ánh thực tế về những việc đã làm trong tháng qua, trong năm qua, để chính quyền rút kinh nghiệm về những việc chưa thực hiện được⁽⁸⁾. Đây là một chủ trương đem lại hiệu quả cao về mặt xã hội, giúp cuộc sống của những gia đình nghèo (loại C - hộ không chí thú làm ăn, sống ỷ lại) có cơ hội vươn lên thoát nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo ở huyện Tịnh Biên. Tỷ lệ hộ nghèo của các xã đã giảm xuống đáng kể qua từng năm (Xem Bảng 2).

Có thể nói những chính sách, chương trình cụ thể được áp dụng ở huyện Tịnh Biên đã đem lại nhiều thành công, đặc biệt đời sống của người Khmer đã có nhiều thay đổi. Các nhu cầu thiết yếu cho đời sống con người như đường sá, điện, trường học, trạm y tế, các dịch vụ... ngày càng phát triển, giúp cho chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện. Đây là một thành tựu lớn từ những chính sách của Trung ương, các cấp chính quyền tỉnh, huyện áp dụng tại địa phương.

2. NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐẶT RA CHO HUYỆN TỊNH BIÊN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH

Mặc dù đời sống của người dân ở Tịnh Biên đã ngày càng ổn định,

nhưng những chương trình, chính sách thực hiện ở đây vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Trở ngại lớn nhất là tài chính và trình độ dân trí khá thấp so với mặt bằng dân trí tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo khá cao do kinh tế biên giới phát triển nên dân nơi khác đến đây tạm trú để kiếm sống từ khá lâu. Đa số là người làm mướn, điều này dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo gia tăng ở đây. Ở Tịnh Biên (1996-2000), tổng số hộ nghèo 3.513 (14,74%), số hộ thoát nghèo 1.250, số nghèo phát sinh 1.302. Xã Văn Giáo thoát nghèo 99 hộ, phát sinh nghèo 140 hộ; xã Vĩnh Trung số hộ thoát nghèo 54 hộ, phát sinh nghèo 249 hộ; xã Xuân Tô thoát nghèo 43, nghèo phát sinh 113 hộ. Những xã nói trên, các hộ nghèo chủ yếu thuộc

Bảng 2. Tỷ lệ hộ nghèo qua các năm (Phân theo xã, thị trấn)

Đơn vị tính: %

	2002	2003	2004	2005
Toàn huyện	16,70	14,11	11,75	9,58
Trung tâm Nhà Bàng	10,79	9,77	7,43	5,25
Trung tâm Chi Lăng	12,71	10,13	2,98	1,23
Trung tâm Tịnh Biên	13,39	10,45	8,41	6,14
Xã Núi Voi	-	-	14,23	11,66
Xã Nhơn Hưng	8,85	7,75	5,32	3,33
Xã An Phú	15,91	13,42	10,94	8,37
Xã Thới Sơn	7,93	5,92	4,46	3,33
Xã Văn Giáo	31,67	27,63	24,67	22,29
Xã An Cư	20,13	15,67	13,90	11,37
Xã An Nông	14,20	13,13	10,79	8,65
Xã Vĩnh Trung	24,03	19,88	16,65	14,45
Xã Tân Lợi	28,41	25,67	23,47	21,11
Xã An Hào	13,19	11,00	9,21	6,75
Xã Tân Lập	19,75	17,99	15,49	13,13

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tịnh Biên năm 2005.

dân tộc Khmer (Nguyễn Hoàng Sơn, 2006, tr. 142). Với số liệu này có thể thấy chính sách xóa đói giảm nghèo của Nhà nước vẫn còn là một thách thức. Nhiều hộ đã thoát nghèo nhưng cuộc sống chưa ổn định, vững chắc.

Chính sách trợ giúp cho người nghèo, người dân tộc từ Chính phủ rất được người dân tộc đồng tình. Sự “đồng tình” được thể hiện đến mức khi một bộ phận người Khmer được đưa vào danh sách gia đình nghèo được hỗ trợ thì họ muốn vĩnh viễn có tên trong danh sách này chứ không muốn thoát ra. Vấn đề khó nhất của chính sách này là xóa đói giảm nghèo đối với các gia đình đang gặp khó khăn, vì những gia đình này không có nguồn tài chính và trình độ học vấn thấp. Hiện nay chính quyền địa phương chỉ định hướng những gia đình này làm ăn và hỗ trợ tín dụng. Mục tiêu của chính quyền là tập trung hỗ trợ cho những hộ nghèo và tập trung chăm lo chu đáo về mặt giáo dục, từ tập vở, sách giáo khoa cho con em những gia đình nghèo, gia đình người Khmer có hoàn cảnh khó khăn, thậm chí một số hộ còn được cung cấp luôn quần áo và xe đạp để giúp điều kiện đi học cho con em của họ. Nhưng do cuộc sống và nhận thức của người dân chưa cao, nên mức độ bỏ học của học sinh khoảng 5-7%. Tỷ lệ này so với mức quy định thì còn khá cao⁽⁹⁾. Đối với những gia đình nghèo không có đất, chính quyền tổ chức đào tạo nghề cho họ bằng cách phối hợp với trường dạy nghề mở 1-2 lớp dạy làm những đồ thủ công bằng mây tre lá, đan thảm. Tuy nhiên, sự trợ giúp này cũng không đem lại nhiều kết quả vì có một số gia đình cho rằng, mặc dù Nhà nước đã vận động con em đi học nghề để

mưu sinh, nhưng kiếm sống bằng những nghề này cũng chỉ được 10.000 đồng một ngày không đủ sống, trong khi đi làm mướn có nhiều tiền để trang trải cuộc sống hơn (khoảng 30.000 đồng đến 40.000 đồng một ngày)⁽¹⁰⁾. Một khó khăn nữa là việc nâng cao giáo dục cho người Khmer. Đối với những gia đình người Khmer khá giả thì việc học được chú trọng, nên con em được học đến trung học, đại học. Còn với những hộ Khmer nghèo vì điều kiện mưu sinh (vì Tịnh Biên giáp biên giới Campuchia) nên người Khmer ở Tịnh Biên đến mùa cắt lúa thì họ kéo cả gia đình sang Campuchia cắt lúa dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học hàng tháng trời. Tình hình này gây ra tình trạng chất lượng học sinh yếu kém, ngồi nhầm lớp. Có tình trạng này một phần cũng do chính quyền địa phương chạy theo thành tích, những học sinh học kém vẫn được cho lên lớp⁽¹¹⁾.

Về chính sách đào tạo cán bộ cho con em là người dân tộc ở huyện Tịnh Biên được ưu tiên cử tuyển. Tuy nhiên, trong thực tế, việc phân bổ chính sách này vẫn còn những hạn chế nhất định, cho nên việc cử người để đưa đi đào tạo cũng rất khó khăn. Ví dụ những xã nào thuộc Chương trình 135 thì mới áp dụng tiêu chuẩn này, thế nhưng các xã được hưởng Chương trình 135 thì hầu như đều tập trung người Việt, người Khmer chỉ chiếm thiểu số. Tịnh Biên cũ trước đây là tuyến biên giới chạy giáp với Hà Tiên, không có người dân tộc ở đây, do đó việc cử tuyển ở các vùng này rất khó khăn... chỉ có 2 xã Tân Lợi và An Cư là có thể cử tuyển được. Việc tìm người để tham gia việc cử tuyển cũng rất khó, do điều kiện người được đề cử phải tốt nghiệp phổ thông trung học. Vĩnh Trung,

Chi Lăng là hai xã có con em người dân tộc học hành rất tốt... Còn các xã khác như An Cư, Văn Giáo, Tân Lợi là những vùng heo hút, vùng sâu vùng xa cho nên người dân không có tư tưởng cho con cái ăn học... Chính vì trình độ dân trí thấp cho nên việc nâng cao trình độ giáo dục đào tạo ở các xã này vô cùng khó khăn. Mức chuẩn huyện đề ra chỉ lấy ở mức trung học cơ sở nhưng cũng không thực hiện được. Do đó việc chọn cử tuyển không thực thi được ở những xã này. Tỉnh An Giang cũng có chính sách lập trường dân tộc nội trú của tỉnh tại huyện Tri Tôn để dạy cho con em người dân tộc và đặc biệt là cho con em cán bộ người dân tộc. Và ở huyện Tịnh Biên cũng thành lập bộ phận trường dân tộc bán trú ở Chi Lăng. Vấn đề thu nhận học sinh vào các trường này cũng sinh ra nhiều rắc rối, vì gia đình nào cũng muốn con họ được vào học ở hai trường này, vì vừa được đi học lại vừa có tiền. Theo quy chế, muốn vào được hai trường này thì học sinh phải thi tuyển, nên đối tượng được chọn phải là những học sinh học khá, giỏi. Tuy nhiên, phụ huynh của số học sinh học kém không được chọn đã chất vấn chính quyền tại sao con họ muốn học mà Nhà nước không cho học⁽¹²⁾. Đó là một trong những vấn đề chưa tốt về giáo dục ở những xã có đông người dân tộc sinh sống. Chính quyền huyện cũng chọn một số học sinh ưu tú đưa đi đào tạo để sau này những người được đào tạo trở về phục vụ cho địa phương. Nhưng số được đào tạo khi học xong không quay về phục vụ cho địa phương mà đi làm những nơi có tiền lương cao hơn. Chỉ có người tại chỗ đưa đi đào tạo về sư phạm, trở về làm việc ở địa phương và một số người đang làm việc

ở xã, được xã đưa đi học, trở về phục vụ. Số cử tuyển được đào tạo trình độ đại học phần lớn không quay về, chỉ có một số ít được cử tuyển đi học ở An Giang, trở về phục vụ địa phương. Số người được chính quyền gửi đi học trở về địa phương lại không thích làm việc ở xã, chỉ thích làm việc ở huyện, nhưng lại kêu ca không có việc làm... Thực tế, chính quyền giao việc cho họ ở xã, nhưng họ lại không nhận. Điều này cho thấy việc đào tạo cán bộ cũng đặt ra nhiều vấn đề cho chính quyền huyện⁽¹³⁾.

Một lý do nữa là trình độ học vấn của người Khmer thấp, phần lớn không nói được tiếng Việt. Họ bị trở ngại về mặt ngôn ngữ nên không vào làm việc được trong các cơ quan Nhà nước. Chính vì lý do này nên người Khmer không thể giữ được những chức vụ cao. Nói chung Nhà nước đã có nhiều chính sách nâng đỡ cho người Khmer, nhưng trở ngại lớn nhất vẫn là ngôn ngữ. Một người Khmer đang giữ chức Khóm phó đã thừa nhận ông cũng chưa nói rành tiếng Việt⁽¹⁴⁾.

Thông qua Chương trình 135 và các dự án lồng ghép khác, mặc dù huyện Tịnh Biên đã tập trung đầu tư rất lớn trong việc xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng nhưng vẫn chưa có sự đồng bộ giữa tỉnh và huyện. Tình trạng thiếu đất, thiếu vốn sản xuất vẫn còn là những vấn đề bức xúc. Người Khmer nghèo hầu như không có nghề nghiệp ổn định, ít chịu khó tiếp thu khoa học kỹ thuật. Một mặt, đa số người nghèo học vấn thấp, không hiểu tiếng Việt. Đây chính là những rào cản để tiếp nhận thông tin, kiến thức... Tập quán sản xuất của người Khmer còn lạc hậu, chưa có ý thức

tiết kiệm, tâm lý ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ từ phía chính quyền hoặc phó mặc cho số phận, thiếu ý chí vươn lên... Chính những điều này góp phần hạn chế việc thực hiện các chính sách tại huyện Tịnh Biên. Mặt khác, cán bộ người Khmer còn ít, một số cán bộ lãnh đạo ở Tịnh Biên chưa nắm rõ các chủ trương, chính sách của Nhà nước, các chương trình ở Trung ương và tỉnh đưa xuống huyện như thế nào thì lãnh đạo ở đây thi hành, thực hiện một cách máy móc... Với những chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với bà con dân tộc vùng biên giới được thực hiện theo sự chỉ đạo của tỉnh, chính quyền địa phương chỉ căn cứ vào những chính sách từ trên đưa xuống mà thực hiện. Lãnh đạo huyện chỉ đề xuất những chủ trương vừa đáp ứng nhu cầu của cấp trên vừa thích hợp với thực tiễn ở địa phương⁽¹⁵⁾.

Sự không đồng bộ giữa các cấp và các ban ngành còn được thể hiện qua việc thực hiện những chương trình riêng cho huyện. Khi thực hiện những công trình đường lộ, chủ trương của tỉnh là chỉ đắp mặt đường, không có cống thoát nước. Vì vậy, đến mùa mưa nước thoát không được, người dân kêu ca, huyện cũng không biết làm thế nào. Những hạng mục của công trình do tỉnh đề ra không có sự phối hợp với huyện. Trước khi triển khai khảo sát thi công ở Tịnh Biên, lãnh đạo huyện không họp dân để thảo luận, lấy ý kiến để việc thi công công trình được hiệu quả và thuận tiện hơn. Đơn vị thi công là của huyện, nhưng tính thiết kế thi công cho nên không quyết toán được khối lượng công việc.

Nhìn chung các chính sách đã được thực hiện ở hầu khắp các xã trên địa bàn huyện

Tịnh Biên đều đem lại hiệu quả cao, trừ xã Nhơn Hưng. Chương trình 135 được thực thi ở xã này đạt hiệu quả không cao. Do nguồn kinh phí từ Trung ương cho Chương trình 135 không được chuyển giao kịp thời, tỉnh và huyện lại không có khả năng hỗ trợ nên những tuyến đường mở ra ở xã Nhơn Hưng bị hạn chế rất nhiều, bắt nguồn từ việc vay vốn. Nhơn Hưng là xã nghèo, nhưng kinh phí Chương trình 135 lại bị cắt, đó là khó khăn lớn nhất khi thực hiện công trình này ở đây⁽¹⁶⁾.

Theo ý kiến của cán bộ lãnh đạo, nguyên nhân gây nên tình hình trì trệ chính hiện nay là chưa đề ra được những chương trình cụ thể để giúp người dân. Tuy đã có chính sách Đổi mới nhưng số lượng đầu tư từ phía Nhà nước còn ít, chưa đủ để nâng cấp cơ sở hạ tầng ở đây. Chẳng hạn như mùa mưa, đường sá ngập nước, đêm mưa giông sập nhà, sập mái. Muốn giải tỏa những khu nhà này, huyện phải có một khoản tiền để bồi thường. Mỗi gia đình chỉ được cấp 6 triệu đồng để tự đi kiếm chỗ ở, nhưng với khoản tiền này thì không thể có được nơi cư trú ổn định. Theo thời giá hiện nay, muốn có được căn nhà (5x20m) nằm ngay trên hương lộ, phải có khoảng 30 triệu, trong khi Nhà nước chỉ cấp 6 triệu đồng tiền bồi thường. Huyện cũng đã cố gắng hỗ trợ cho người dân có chỗ ở ổn định để làm ăn sinh sống. Khi giải tỏa thì việc đền bù vẫn phải đảm bảo sinh hoạt thiết yếu hàng ngày cho người dân. Tuy nhiên, vấn đề sắp xếp nơi ở ổn định cho những gia đình có nhà bị giải tỏa vẫn chưa thực hiện tốt vì thiếu kinh phí⁽¹⁷⁾.

Tuy phần lớn các chính sách được áp dụng ở Tịnh Biên trong thời kỳ Đổi mới đã

đem lại nhiều khởi sắc cho huyện, nhưng việc thực hiện các chương trình vẫn còn thiếu đồng bộ như ở ấp Tân Thuận, xã Tân Lợi vẫn chưa làm đường sá, chưa có điện, người dân phải thắp đèn dầu, đèn bình. Theo chính sách chung của Nhà nước và của tỉnh An Giang, bất cứ khu, tuyến dân cư nào cũng phải có điện, trường học, trạm y tế, đường sá. Nhưng có những khu được tôn cao nền nhà vượt lũ từ năm 1997 cho đến nay, đã hơn 10 năm, chính quyền vẫn chưa hỗ trợ kinh phí⁽¹⁸⁾. Một số gia đình được phỏng vấn cho rằng hiện nay đời sống cũng ổn định nhưng mặt dân trí còn kém⁽¹⁹⁾.

Các chương trình được thực hiện ở Tịnh Biên thường người dân không nắm rõ, chỉ biết đó là chính sách hỗ trợ từ Trung ương, Chính phủ. Chẳng hạn như cư dân trong vùng chỉ biết khu nhà thuộc chương trình vượt lũ ở Tân Lợi là do Cộng hòa Liên bang Đức tài trợ⁽²⁰⁾, còn được gọi là chương trình KFW, còn cụ thể như thế nào, dân không nắm rõ. Người dân ở đây cũng chỉ được biết hàng năm Trung ương hỗ trợ 1 tỷ đồng để đầu tư làm các con lộ, làm đường, trạm bơm điện, làm cột điện... cho các khu dân cư nghèo. Trong việc áp dụng các chương trình nói trên, chính quyền luôn chiếu cố cho người Khmer hơn là người Việt, bởi vì ở đây *chính sách dân tộc* được ưu tiên. Việc cứu trợ cũng vậy, người Việt bao giờ cũng ít được giúp đỡ hơn người Khmer⁽²¹⁾.

Nhìn chung việc thực hiện các chương trình, chính sách ở Tịnh Biên tương đối dễ dàng, không gặp trở ngại. Nhưng nền tảng kinh tế của địa phương chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lại chịu di sản nặng nề của

chiến tranh, cộng với tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là sản xuất đường thốt nốt. Phần lớn người nghèo của huyện là người Khmer, trình độ học vấn không đồng đều, và tương đối thấp, tuy hiện nay chính quyền đã phổ cập trung học cơ sở cho đa số cư dân ở đây, nhưng để phát triển được nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ du lịch, với trình độ học vấn thấp như vậy người dân ở đây không thể đảm bảo được tay nghề để tham gia vào các ngành nghề... Trình độ dân trí ở đây chưa cao cũng là một rào cản cho việc áp dụng các chương trình, chính sách trong giai đoạn Đổi mới⁽²²⁾. Một bộ phận nhỏ người Khmer vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ, không tích cực làm việc. Chính quyền cho vay vốn, không dùng vốn đó để làm ăn, chỉ tiêu xài; hỗ trợ cho nuôi bò thì lại đem bò đi bán. Đây là những hộ nghèo thuộc loại C, chỉ biết cuộc sống hiện tại, không lo cho ngày mai. Khi nhận tiền trợ giúp chỉ tiêu xài, không dùng vào việc kiếm việc làm để nâng cao đời sống... Những người này thường bị lợi dụng, mua chuộc, kích động để chống phá chính quyền. Đây cũng là lý do cho những gia đình người Việt nghèo so bì. Họ thắc mắc tại sao chính quyền không trợ giúp vốn nhiều cho họ như trợ giúp người Khmer⁽²³⁾.

Một chính sách không đem lại kết quả nữa là *Chương trình chống buôn lậu 127*. Chương trình không giúp những người làm nghề này đủ sống để họ có thể bỏ nghề buôn lậu. Những người sinh sống bằng nghề buôn lậu là những gia đình nghèo nhưng lại đông con, do đó chương trình trợ giúp 3 triệu đồng không đủ cho họ sinh sống. Và lại do thấy nghề buôn lậu giúp họ đủ sống nên họ không bỏ. Vì đây là huyện

biên giới nên việc buôn lậu dễ kiếm tiền, do đó những người làm nghề này không muốn đổi qua nghề khác. Lực lượng thường xuyên đi đai vác mướn là lực lượng lao động thất nghiệp không có công ăn việc làm. Nên chính quyền ở đây đang đầu tư xây các khu công nghiệp để tạo việc làm cho người dân, góp phần hạn chế tình trạng buôn lậu. Vì nếu có công ăn việc làm thu nhập ổn định thì người dân không tham gia buôn lậu nữa. Đồng thời chính quyền nên chú trọng việc giáo dục, nâng cao trình độ nhận thức của người dân, liên hệ với những cơ sở dạy nghề nhằm đào tạo dạy nghề cho người dân ở những lớp học ngắn hạn, tạo cho họ có nghề nghiệp ổn định, tăng thu nhập nâng cao đời sống⁽²⁴⁾.

Trong các chương trình được thực hiện ở Tịnh Biên, chương trình đưa người lao động đi xuất khẩu là một thành công đáng kể (Từ năm 2004 đến nay, số người đi xuất khẩu lao động ở Malaysia khoảng 305 người), vừa tạo việc làm, vừa giúp họ tiếp cận khoa học kỹ thuật tiên tiến để sau này về phục vụ lại cho địa phương. Chỉ tiêu của chương trình này từ huyện giao đưa xuống xã. Nhưng chương trình này hiện nay không đem lại kết quả, do một số người sau khi đi lao động xuất khẩu về vẫn trắng tay. Lúc đầu một số người đi xuất khẩu gửi tiền về, nhưng thời gian sau thì không có thu nhập, do không có việc làm. Những công ty đưa công nhân đi xuất khẩu lao động thì chỉ biết đưa đi để kiếm lợi nhuận, không quan tâm gì đến việc làm và việc đối xử từ chính quyền của nước nhận người lao động Việt Nam. Vì thế hiện nay số người đi lao động nước ngoài gần như đã trở về.

Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ gặp không ít khó khăn, đặc biệt là việc giải quyết khiếu nại trong việc giải phóng mặt bằng, vì chính quyền chỉ áp dụng hình thức bồi thường bằng tiền, chưa áp dụng hình thức hoán đổi giữa đất ở và đất nông nghiệp bị thu hồi theo tỷ lệ nhất định. Vì hiện nay đa phần hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp đều muốn hoán đổi đất ở. Mặc khác các hộ bị thu hồi đất nông nghiệp không thuộc đối tượng bố trí tái định cư vào cụm, tuyến dân cư vượt lũ nên chính quyền gặp khó khăn trong việc vận động hộ dân giao đất để xây dựng công trình. Các cụm, tuyến dân cư vượt lũ đều là dân nông thôn, nên việc quy định tiêu chuẩn mỗi nền nhà không vượt quá 120m² là không phù hợp với tập quán sinh sống của người dân ở nông thôn. Bởi vì, ngoài việc xây dựng nhà ở, các gia đình còn phải làm nhà kho chứa lúa, lò sấy, sân phơi, nơi chứa dụng cụ phục vụ cho sản xuất⁽²⁵⁾...

Nhìn chung mặc dù nhiều chương trình, chính sách của Trung ương, tỉnh đầu tư ở huyện Tịnh Biên đạt được nhiều kết quả, góp phần làm thay đổi cuộc sống của người dân nơi đây, tạo nên bộ mặt mới cho huyện. Nhưng những hiệu quả về mặt xã hội của vùng đất này chưa cao, vẫn còn nhiều hạn chế bất cập trong áp dụng, tiến độ thực hiện các công trình còn chậm, các chương trình cho lĩnh vực văn hóa, xã hội đầu tư còn ít. Nguyên vọng của người dân chưa được đáp ứng đầy đủ như đường sá cần phải nâng cấp thêm, điện nước còn nhiều nơi không có. Những chế độ ưu tiên dành cho cán bộ xã vùng sâu còn thấp... Tịnh Biên là vùng biên giới phức tạp nhất trong tỉnh, nhưng lương cho hai lực lượng

thường trực để bảo vệ cho vùng là công an và quân sự rất thấp, mỗi tháng chỉ được vài trăm ngàn. Vì thế huyện phải hỗ trợ thêm lương cho hai lực lượng này bằng cách kiếm đất để tăng gia sản xuất hoặc phải lấy các nguồn kinh phí khác⁽²⁶⁾.

Việc giải quyết tranh chấp đất đai còn chậm, công tác tuyên truyền giáo dục để giúp người Khmer hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Nhà nước chưa đạt hiệu quả cao vì phần lớn cán bộ tuyên truyền là người Kinh, ít biết chữ và tiếng Khmer, trong khi đó số cán bộ người Khmer thì ít và chưa đủ khả năng để đi phổ biến các chính sách của Nhà nước. Nếu tình hình này không được khắc phục và giải quyết kịp thời sẽ ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh chính trị và phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Chương trình 135* do Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện chương trình này có số hiệu văn bản là 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 07 năm 1998. Đây là chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, là một trong các chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam được triển khai từ năm 1998. Theo kế hoạch ban đầu, chương trình sẽ kéo dài 7 năm và chia làm hai giai đoạn: giai đoạn 1 từ năm ngân sách 1998 đến năm 2000 và giai đoạn 2 từ năm 2000 đến năm 2005. Tuy nhiên, đến năm 2006, Nhà nước Việt Nam quyết định kéo dài chương trình này thêm 5 năm, và gọi giai đoạn 1997-2006 là giai đoạn I. Tiếp theo là giai đoạn II (2006-2010).

Mục tiêu cụ thể của chương trình này:

- Giai đoạn 1998-2000: Về cơ bản không còn các hộ đói kinh niên, mỗi năm giảm được 4-5% hộ nghèo; Cung cấp cho đồng bào có nước

sinh hoạt; Thu hút phần lớn trẻ em trong độ tuổi đến trường; Kiểm soát được một số loại dịch bệnh hiểm nghèo; Có đường giao thông dân sinh kinh tế đến các trung tâm cụm, xã; Phần lớn đồng bào được hưởng thụ văn hóa, thông tin.

- Giai đoạn 2000-2005: Giảm hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn xuống còn 25% vào năm 2005; Cung cấp cho đồng bào đủ nước sinh hoạt; Thu hút trên 70% trẻ em trong độ tuổi đến trường; Đại bộ phận đồng bào được bồi dưỡng, tiếp thu kinh nghiệm sản xuất, kiến thức khoa học, văn hóa, xã hội, chủ động vận dụng vào sản xuất và đời sống; Kiểm soát được phần lớn các dịch bệnh xã hội hiểm nghèo; Có đường giao thông cho xe cơ giới và đường dân sinh kinh tế các trung tâm cụm xã; Thúc đẩy phát triển thị trường nông thôn (Có nhiều biện pháp thực hiện chương trình này, bao gồm đầu tư của nhà nước, các dự án nhà nước và nhân dân cùng làm (nhà nước và nhân dân cùng chịu kinh phí, cùng thi công), miễn giảm thuế, cung cấp miễn phí sách giáo khoa, một số báo chí...).

⁽²⁾ Phòng vấn ông TQT, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã An Cư. Phòng vấn ngày 24/4/2008.

⁽³⁾ Đây là chương trình lồng ghép nguồn vốn các chương trình như: Chương trình 135, Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngân hàng Tái thiết Đức, Ngân sách địa phương, huy động nhân dân. Ngoài ra, các xã có cụm, tuyến đã huy động nhân dân nhiều ngày công để tổ chức trồng cây xanh đường phố tạo mỹ quan, nâng cao chất lượng môi trường sống và trồng cây chắn sóng bảo vệ đê bao trong cụm-tuyến dân cư.

⁽⁴⁾ Phòng vấn hộ HVL, Ấp phó Tân Long, xã Tân Lợi. Phòng vấn ngày 25/4/2008.

⁽⁵⁾ Phòng vấn hộ PDM, ấp Tân Hưng xã Nhơn Hưng. Phòng vấn ngày 24/4/2008.

⁽⁶⁾ Một số chương trình, chính sách ưu tiên dành cho người dân tộc (chủ yếu ở đây là ưu tiên cho đồng bào Khmer vì đa số người Khmer

thuộc diện hộ nghèo, sinh sống bằng nông nghiệp. Người Hoa ít được hỗ trợ vì chủ yếu họ là những gia đình khá giả, là những hộ làm thương mại, dịch vụ).

(7), (8), (13), (15) Phỏng vấn ông PVK, Chánh Văn phòng huyện ủy Tịnh Biên, ông NC, Chủ tịch Hội Nông dân và bà N, Phó ban Tuyên giáo huyện ủy. Phỏng vấn ngày 21/4/2004.

(9), (11) Phỏng vấn Ủy ban Nhân dân thị trấn Tịnh Biên. Người được phỏng vấn: Ông N, Phó Chủ tịch Ủy ban; Ông N, Bí thư; Ông Đ, Phó Bí thư thường trực. Phỏng vấn ngày 22/4/2008.

(10) Phỏng vấn hộ PVM, ấp Xuân Bình, thị trấn Tịnh Biên ngày 27/4/2008.

(12) Theo nhận xét của một số cán bộ lãnh đạo huyện, những người này chủ yếu muốn được trợ cấp tiền từ việc học.

(14) Phỏng vấn CK, khóm phó, Khóm Xuân Phú, thị trấn Tịnh Biên. Phỏng vấn ngày 22/4/2008.

(16) Trung ương mới cấp kinh phí lại cho chương trình này năm 2008.

(17) Phỏng vấn ông NXT, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã An Nông. Phỏng vấn ngày 22/4/2008.

(18) Khóm Xuân Hòa chưa làm đường, điện, nước không có. Do để có điện thì hộ gia đình phải đóng tiền. Phỏng vấn hộ DS, khóm Xuân Hòa, thị trấn Tịnh Biên. Phỏng vấn ngày 23/4/2008.

(19) Phỏng vấn hộ ĐVM, ấp Tân Thuận, xã Tân Lợi; hộ HVT, ấp Tân Thuận, xã Tân Lợi và hộ PVH, ấp Tân Thuận, xã Tân Lợi. Phỏng vấn ngày 26/4/2008.

(20) Chương trình KFW: nhà vượt lũ do Ngân hàng Đức tài trợ.

(21) Phỏng vấn hộ NHS, ấp Tân Long, xã Tân Lợi. Phỏng vấn ngày 26/4/2008.

(22) Phỏng vấn ông LHH, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Nhơn Hưng. Phỏng vấn ngày 17/10/2007.

(23) Phỏng vấn ông PVK Chánh Văn phòng Huyện ủy Tịnh Biên, ông NC, Chủ tịch Hội Nông dân và bà N, Phó ban Tuyên giáo Huyện

ủy Tịnh Biên. Phỏng vấn ngày 21/4/2008; hộ TQL, ấp Tân Long, xã Tân Lợi. Phỏng vấn ngày 25/4/2008.

(24) Phỏng vấn ông LTT, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Xuân Tô. Phỏng vấn ngày 20/10/2007.

(25) Phỏng vấn ông NTB, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Tân Lợi. Phỏng vấn ngày 25/4/2008.

(26) Phỏng vấn Ông N, Phó chủ tịch Ủy ban; Ông N, Bí thư huyện ủy; Ông Đ, Phó Bí thư thường trực. Phỏng vấn ngày 22/4/2008.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Ủy ban Nhân dân huyện Tịnh Biên về kết quả thực hiện một số chính sách đối với dân tộc và miền núi trên địa bàn huyện Tịnh Biên ngày 29/9/2003.

2. Báo cáo số 23/BC.UB ngày 9/3/2005 của Ủy ban Nhân dân huyện Tịnh Biên phục vụ xây dựng đề án xóa đói giảm nghèo vùng đồng bào Khmer.

3. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách dân tộc của Ủy ban Nhân dân huyện Tịnh Biên năm 1995.

4. Báo cáo tổng kết chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang của Ủy ban Nhân dân huyện Tịnh Biên (tháng 12/2007).

5. Đỗ Hoài Nam, Đặng Phong (Chủ biên). 2006. *Những bước đột phá của An Giang trên chặng đường đổi mới kinh tế*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

6. Mai Thanh Xuân. 2003. *Tìm hiểu vấn đề ruộng đất huyện Tịnh Biên từ năm 1986-2002*. Luận văn tốt nghiệp Khoa Lịch sử. TPHCM: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

7. Nguyễn Công Mạnh. 2007. *Lịch sử phát triển kinh tế-xã hội huyện Tịnh Biên (1986-2003)*. Đề tài cấp Viện. TPHCM: Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

8. Nguyễn Hoàng Sơn. 2006, *Chính sách xóa đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước trong cộng đồng người Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long 1992-2002*. Luận án Tiến sĩ lịch sử. TP HCM: Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ
9. Nguyễn Thị Xuân Lộc. 2005. *Vấn đề ruộng đất ở tỉnh An Giang giai đoạn 1988-2003*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử. TP HCM: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
10. Phòng thống kê huyện Tịnh Biên. *Niên giám thống kê 2005*.
11. Phỏng vấn một số người dân và chính quyền ở xã Nhơn Hưng, An Nông, Tân Lợi, Xuân Tô, An Cư, thị trấn Tịnh Biên.
12. Tỉnh ủy An Giang. 1997. *Lịch sử Đảng bộ huyện Tịnh Biên 1927-1996 (Sơ thảo)*. An Giang: Sở Văn hóa Thông tin An Giang.
13. Trần Hồng Liên. 2001. *Một số vấn đề kinh tế-xã hội trong người Khmer ở huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang. Khảo sát trường hợp xã: An Cư, An Hảo, Văn Giáo, Tân Lợi*. Đề tài cấp Viện. Viện Khoa học Xã hội tại TP HCM.
14. Quyết định 275/QĐ-UB ngày 23/6/1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách trồng và bảo vệ rừng phòng hộ trên núi.
15. Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới.
16. Quyết định 256/1996/QĐ-TTg tháng 4/1996 về việc hỗ trợ cho dân vùng lũ vay tiền để tôn nền nhà và làm sàn nhà trên cọc.
17. Quyết định 190/2003/QĐ-TTg ngày 16/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003-2010
18. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. 2003. *Địa chí An Giang (Sơ thảo)*. Lưu hành nội bộ.